

# VIỆT NAM THẾ KỶ X - THỜI CƠ, THÁCH THỨC VÀ PHÁT TRIỂN VƯỢT BẬC

*Nguyễn Danh Phiệt\**

Lịch sử Việt Nam thế kỷ X diễn ra nhiều sự kiện lớn lao, dồn dập có tác động lớn quyết định đến sự tồn tại và tiến trình phát triển lịch sử dân tộc.

Trong hơn 1000 năm bị đô hộ, nhân dân Việt Nam thời bấy giờ đã nhiều lần nổi dậy giành quyền độc lập tự chủ nhưng đều bị đàn áp nặng nề. Bước vào đầu thế kỷ X, một lần nữa, cộng đồng các dân tộc Việt Nam lại vùng lên, tạo thành một đợt sóng mạnh mẽ quét sạch ách đô hộ, giải phóng đất nước. Đợt sóng được mở đầu bằng cuộc nổi dậy của họ Khúc vào năm 905, kết thúc bằng việc đánh tan giặc Nam Hán lần thứ nhất ở cửa sông Bạch Đằng vào năm 938 do Ngô Quyền tổ chức và chỉ đạo. Trong trận chiến đấu cuối cùng này, ý chí và quyết tâm chiến đấu của nhân dân là yếu tố quyết định nhưng chưa đủ. Thời cơ giữ một vị trí cực kỳ quan trọng. Đó là sự suy yếu đi đến sụp đổ của nhà Đường - kẻ thù đô hộ của nhân dân Việt Nam.

Bước vào những năm đầu thế kỷ X ở Trung Hoa, nhà Đường đứng trên miệng hố tiêu vong sau gần một thế kỷ lục đục, loạn lạc vào buổi Văn Đường kể từ năm Trùng Khánh thứ nhất (821) đời Mục Tông đến năm Thiên Hựu thứ 4 (907) đời Ai Đế. Nạn hoạn quan xuất hiện từ thời Trung Đường, dần dần dẫn đến sự thao túng quyền hành trong mọi lĩnh vực, tạo thành cái gọi là "chính quyền hoạn quan" vào buổi cuối Đường. Trong số 9 vua cuối của nhà Đường, từ Mục Tông (821-825) đến Ai Đế (904-907), trừ vua cuối cùng do Chu Toàn Dục lập nên, còn lại 8 vua đầu đều do hoạn quan quyết định. Từ nạn hoạn quan, mâu thuẫn giữa triều quan và hoạn quan phát sinh và trở nên ngày càng trầm trọng, gây thành bè đảng bài xích lẫn nhau. Ngay trong hàng ngũ triều quan cũng phát sinh bè phái, chia rẽ giữa quan lại xuất thân khoa cử và quan lại xuất thân quý tộc. Trong khi đó, ở địa phương các tiết độ sứ ngày càng lớn mạnh, trở thành lực lượng cát cứ, không chịu sự quản lý của chính quyền trung ương. Trong cảnh loạn lạc, suy yếu buổi cuối Đường, mọi tai hoạ đều trút lên đầu nông dân. Cuộc sống khốn cùng đã dẫn đến phong trào nông dân khởi nghĩa.

---

\* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Viện Sử học, Việt Nam.

Điển hình là cuộc khởi nghĩa của Vương Tiên Chi và Hoàng Sào. Năm 874 Vương Tiên Chi lãnh đạo nông dân nổi lên ở Sơn Đông. Năm sau, năm 875 Hoàng Sào nổi dậy hưởng ứng Vương Tiên Chi, cùng hợp quân đánh chiếm các châu huyện ở Sơn Đông, mở rộng đến các vùng Hà Nam, Hồ Bắc, An Huy. Nghĩa quân truyền hịch lên án sự thối nát của nhà Đường, quan lại tham ô tàn ác, thuế má nặng nề, hình phạt không công... Năm 877, do bất đồng ý kiến giữa hai thủ lĩnh dẫn đến chia rẽ làm cho phong trào suy yếu. Bị nhà Đường đánh dẹp, Vương Tiên Chi cùng với hơn 5 vạn nghĩa quân bị tiêu diệt. Còn lại Hoàng Sào từng chiếm được Đông đô Lạc Dương, đầu năm 881 tiến vào kinh đô Tràng An, triều đình bỏ chạy. Hoàng Sào, xưng hoàng đế, đặt quốc hiệu Đại Tề, lập niên hiệu Kim Thống, nhưng cuối cùng cũng bị quân cần vương nhà Đường đánh bại vào năm 884. Thế cùng, Hoàng Sào phải tự tử. Sau 10 năm chiến đấu phong trào nông dân buổi cuối Đường không thành công, nhưng đã thực sự giáng một đòn mạnh mẽ đưa nhà Đường đến miệng hố tiêu vong.

Dẹp được phong trào nông dân, khôi phục được kinh đô, nhà Đường lại rơi vào tình trạng bị chia cắt, hỗn chiến do các tập đoàn quân phiệt cát cứ. Trong các tập đoàn đó, Chu Ôn - viên tướng từng phản bội phong trào nông dân Hoàng Sào, được vua Đường cử làm tiết độ sứ, ban cho tên là Toàn Trung (Chu Toàn Trung) - lần lượt thôn tính các thế lực khác, trở thành lực lượng quân phiệt lớn nhất. Chu Toàn Trung được tể tướng Thôi Dận dựa để diệt trừ phái hoạn quan. Sau khi diệt được hoạn quan, Chu Toàn Trung thu tóm quyền hành vào tay mình. Năm 904 Toàn Trung ra lệnh giết Đường Chiêu Tông, lập Ai Đế lên ngôi. Năm 907 Chu Toàn Trung truất ngôi Ai Đế, tự làm vua, đặt quốc hiệu là Lương, tức nhà Hậu Lương — đời vua đầu trong 5 đời vua của thời đại loạn "Ngũ đại thập quốc" diễn ra trong vòng hơn 1/2 thế kỷ, từ năm 907 đến năm 960 của thế kỷ X.

Những năm cuối của nhà Đường cũng là những năm chính quyền ở An Nam đô hộ phủ lệ thuộc vào chính quốc nằm trong tình trạng không ổn định. Viên tiết độ sứ cuối cùng là Độc Cô Tổn từng là tể tướng dưới thời Đường Chiêu tông, được Ai Đế cử sang Giao Châu thay cho Chu Toàn Dục vào năm 905. Chỉ một thời gian ngắn ở Giao Châu, vì không cùng phe đảng với Chu Toàn Trung, Độc Cô Tổn bị biếm chức, đẩy về Hải Nam. Giao Châu vốn đã không yên lại như rấn không đầu.

Như vậy, vào những năm đầu thế kỷ X, sự sụp đổ của nhà Đường cùng với tình hình mất ổn định của chính quyền đô hộ ở Giao Châu là thời cơ khá thuận lợi cho nhân dân Việt Nam giành lại quyền tự chủ. Chớp thời cơ, Khúc Thừa Dụ — một hào trưởng đất Hồng Châu (Hải Dương ngày nay) đã đứng lên cầm đầu dân chúng tiến về Đại La giành lại quyền quản lý đất nước. Tuy vẫn mang danh hiệu Tiết độ sứ nhưng ách đô hộ đã chấm dứt, vận mệnh của đất nước và của nhân dân Việt do người Việt quản giữ, định đoạt.

Giành được quyền tự chủ, nhưng đất nước Việt Nam thời bấy giờ còn phải đối đầu với nhiều khó khăn, thách thức khá lớn lao. Nhà Đường sụp đổ,

Trung Hoa lâm vào tình trạng đại loạn, nhưng ý đồ tái lập ách đô hộ của chúng trên đất Giao Châu chưa phải đã tuyệt. Nhà Hậu Lương của Chu Toàn Trung, tiếp nối nhà Đường cũng đã biểu thị ý đồ khống chế, làm bá chủ đất nước của người Việt qua việc ban tiết việt cho con trai Khúc Thừa Dụ là Khúc Thừa Mỹ vào năm 919. Lộ liễu hơn, Lưu Cung – vua nước Nam Hán – một tiểu quốc cát cứ xuất hiện vào năm 919 ở vùng Quảng Đông, Quảng Tây có biên giới liền kề với Việt Nam, đã hai lần tiến hành xâm lược. Lần thứ nhất vào năm 930, Lưu Cung sai Lý Thủ Dung và Lương Khắc Trinh đem quân đánh chiếm Giao Châu. Khúc Thừa Mỹ chống không nổi, bị bắt đem về Quảng Châu. Sau khi chiếm được Giao châu, Lưu Cung sai Lý Tiến sang làm thứ sử, cùng với Khắc Trinh tổ chức bộ máy thống trị. Tám năm sau, vào năm 931, Dương Đình Nghệ — nha tướng của họ Khúc từng tham gia giải phóng đất nước vào năm 905 — được họ Khúc giao cho quản giữ Ái Châu đã kịp thời đem quân vây thành Đại La, đánh đuổi Lý Khắc Trinh. Chúa Nam Hán nghe tin sai Trần Bảo đem quân sang ứng cứu. Trần Bảo đến nơi thì thành Đại La đã bị hạ, Khắc Trinh bị giết, thứ sử Lý Tiến đã bỏ chạy về nước. Trần Bảo tổ chức vây thành. Dương Đình Nghệ đem quân ra ngoài thành nghênh chiến, đánh tan viện binh Nam Hán, giết chết Trần Bảo tại trận, giành lại quyền tiết độ sứ. Sau 7 năm cầm quyền giữ nước, Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn giết, đoạt quyền tiết độ sứ vào năm 938. Ngô Quyền người Đường Lâm, là bộ tướng đồng thời là con rể của Dương Đình Nghệ đang giữ chức thứ sử Ái Châu đem quân ra giết kẻ phản bội. Để chống lại Ngô Quyền, Kiều Công Tiễn cầu cứu Nam Hán. Thế là lần thứ hai vào năm 938, chúa Nam Hán được dịp cho con trai là Hoàng Thao, phong làm Giao vương, đem đại quân theo đường biển tiến vào cửa sông Bạch Đằng. Sau khi diệt được Kiều Công Tiễn ở Đại La, Ngô Quyền tổ chức chống giặc Nam Hán. Trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng đã tiêu diệt toàn bộ quân Nam Hán, tướng giặc Hoàng Thao phải nhảy xuống sông tự tử. Cuộc xâm lược lần thứ hai của Nam Hán bị thất bại hoàn toàn. Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa, tổ chức bộ máy quản lý đất nước độc lập tự chủ.

Cho đến khi Triệu Khuông Dận thống nhất Trung Hoa lập nên vương triều Tống vào năm 960, thì 21 năm sau, vào năm 981 dưới thời Tống Thái Tông, nhà Tống phát động chiến tranh xâm lược nước Đại Cồ Việt. Năm 979, khi tiểu quốc cuối cùng ở Trung Hoa bị diệt, cũng là lúc ở Đại Cồ Việt triều đình Hoa Lư lâm vào tình trạng rối loạn: Đinh Tiên Hoàng cùng con là Đinh Liễn bị giết hại, vua nhỏ tuổi nối ngôi. Lợi dụng tình thế khó khăn của Đại Cồ Việt, liền năm sau (cuối năm 980) Tống thái Tông phát động chiến tranh xâm lược. Hai đạo quân thủy bộ do các tướng Hầu Nhân Bảo, Lưu Trừng, Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ theo hai đường thủy bộ ven biển tràn vào vùng Đông Bắc đất nước chiếm vùng cửa sông Bạch Đằng, từ đó chia quân tiến sâu vào đất liền nhằm tiến công kinh đô Hoa Lư, đánh chiếm nước Đại Cồ Việt. Nhưng quân dân Đại Cồ Việt dưới quyền chỉ huy của Thập Đạo tướng quân Lê Hoàn, lúc này được quân dân tôn lên làm vua, đã tiến hành cuộc kháng chiến anh dũng. Hầu Nhân Bảo bị bắt và bị giết trên sông Bạch Đằng, Tôn Toàn Hưng hốt hoảng vội vã rút chạy

về nước. Hai tên tướng giặc Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân bị bắt sống ở chiến trường Tây Kết. Sau gần bốn tháng chiến đấu, quân dân Đại Cồ Việt đã quét sạch giặc Tống ra khỏi bờ cõi, giành thắng lợi hoàn toàn.

Như vậy, giành được độc lập từ tay bọn đô hộ nhà Đường, nhưng nguy cơ xâm lược, tái lập ách đô hộ của phong kiến Trung Hoa đã thành hiện thực qua ba lần xâm lược vào các năm 930, 938 và 981, là một thách thức khá lớn lao đối với đất nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam thời bấy giờ. Nếu như họa xâm lược là thách thức từ bên ngoài, thì nguy cơ phân tán dẫn đến tình trạng bị tan rã quyền lực lại xuất phát từ bên trong, có nguyên nhân sâu xa từ quá khứ để lại.

Trong hơn 1000 năm bị mất nước, chính quyền đô hộ cũng chỉ với tay đến các cấp lộ, phủ, châu. Cấp cơ sở vẫn tồn tại độc lập với chế độ tự quản của công xã nông thôn hiện ra như những pháo đài độc lập với ý thức thường trực chống đối chính quyền đô hộ. Sau khi giành được quyền tự chủ, cùng với sự tồn tại của công xã nông thôn là sự xuất hiện những vùng - liên công xã - dưới quyền quản lý của tầng lớp thổ hào, cự tộc xuất hiện như những thủ lĩnh vùng. Bên cạnh tầng lớp thổ hào, còn có một bộ phận vương hầu quý tộc được nhà nước phong cấp ruộng đất, chia nhau đi trấn trị các địa phương đã trở thành những lực lượng phân tán, sẵn sàng nổi dậy tranh chấp, chia cắt khi chính quyền trung ương suy yếu. Điển hình là trường hợp "loạn 12 sứ quân" xảy ra vào các năm 965-968. Năm 965, sau khi Nam Tấn vương Xương Văn mất trong khi đi đánh dẹp hai thôn Đường Nguyễn ở Thái Bình (huyện Ba Vi, Sơn Tây ngày nay), thì kinh đô Cổ Loa lâm vào tình trạng hỗn loạn. Đất nước không có người đứng đầu. Lợi dụng sự sụp đổ của triều đình thổ hào nhiều nơi cùng công thần, con cháu nhà Ngô mỗi người chiếm giữ một vùng tạo nên cục diện phân tán loạn lạc. Đó là các trường hợp Kiều Công Hãn chiếm giữ Phong Châu, Nguyễn Khoan chiếm giữ vùng Tam Đái, Ngô Nhật Khánh chiếm giữ Cam Lâm, Đỗ Cảnh Thạc chiếm giữ Thanh Oai - Bảo Đà, Ngô Xương Xí giữ Bình Kiều, Lý Khuê giữ Siêu Loại, Nguyễn Thủ Tiệp giữ Tiên Sơn, Lê Đường giữ Tế Giang, Nguyễn Siêu giữ Phù Liệt, Kiều Thuận giữ Hối Hồ, Phạm Bạch Hổ giữ Đằng Châu, Trần Lâm giữ Bố Hải Khẩu. Nhìn chung, địa bàn chiếm giữ của sứ quân đều thuộc vùng trù phú, dân cư đông đúc thuộc lưu vực các dòng sông lớn châu thổ sông Hồng, sông Mã ngày nay. Chưa xảy ra nội chiến giữa các sứ quân. Trong vòng hai năm họ lần lượt bị Đinh Bộ Lĩnh - một thủ lĩnh thuộc dòng dõi quý tộc chiếm giữ vùng Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình ngày nay, đánh dẹp bằng biện pháp quân sự hoặc thuyết phục, cũng có trường hợp tự tan. Sau khi đánh dẹp các sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, đặt tên nước Đại Cồ Việt, định đô ở Hoa Lư, khôi phục nền thống nhất đất nước.

Trường hợp thứ hai xảy ra vào năm 1005 sau khi vua Lê Đại Hành qua đời. Trước khi nhà vua mất một năm, năm 1004 ngôi thái tử đã định. Lúc này con trưởng là Long Thâu đã mất, nhà vua lập con thứ ba là Long Việt giữ ngôi thái tử. Tuy nhiên trước đó, từ năm 989 nhà vua đã bắt đầu phong vương cho các

con kèm theo việc cho đất, chia nhau đi trấn trị mỗi người một phương. Nhà vua có 12 người con, trừ ba người con đầu ở lại kinh đô cùng nhà vua, còn lại lần lượt cho con thứ tư là Long Đĩnh ở Phong Châu, con thứ năm là Long Đĩnh ở Đằng Châu (Hưng Yên), con thứ sáu là Long Ngân ở Phù Lan (Hưng Yên), con thứ bảy là Long Tung ở Ngũ Huyện giang (Hà Nội - Bắc Ninh), con thứ tám là Long Tương ở Đỗ Động (Hà Tây), con thứ chín là Long Kính ở Mạt Liên (Hưng Yên), con thứ mười là Long Mang ở Vũ Lung (Thanh Hóa), con thứ 11 là Long Đễ ở Cổ Lãm (Bắc Ninh), con thứ 12 là con nuôi không rõ tên ở Phù Đới (Hải Dương). Việc chọn đổi ngôi thái tử và phong vương cho các con kèm theo cho đi trấn trị mỗi người một phương là nguyên nhân dẫn đến tình trạng phân tán loạn lạc. Nhà vua qua đời, trước khi Long Việt lên nối ngôi các hoàng tử thứ hai và thứ tư đã nổi lên chống lại. Ngôi vua bị bỏ trống 8 tháng. Long Việt lên ngôi được ba ngày thì Long Đĩnh sai người giết, giành ngôi vào mùa đông năm Ất Tỵ (1005), sử chép là Lê ngoại triều. Đến lượt Long Đĩnh giữ ngôi lại bị các hoàng tử thứ 6, thứ 9 và thứ 4 nổi lên chống lại. Long Đĩnh phải đem quân đánh dẹp.

Như vậy, sự phân tán, loạn lạc cùng với họa xâm lăng đã trở thành một thách thức lớn đối với cộng đồng các dân tộc Việt. Tuy nhiên, với truyền thống đoàn kết được tôi luyện thử thách trong hàng ngàn năm đấu tranh chống đô hộ, nhân dân Việt Nam thời bấy giờ đã nhanh chóng cố kết nhau lại đánh tan quân xâm lược, đẩy lùi nạn phân tán, chung lưng đấu sức cùng nhau xây dựng đất nước.

Giành lại được nước sau hơn một 1000 năm mất nước và bảo vệ được nước qua ba cuộc tấn công xâm lược của giặc Nam Hán và giặc Tống là thành tựu vô cùng to lớn. Chỉ trong điều kiện đó, nhân dân Việt Nam mới có thể bắt tay xây dựng lại đất nước để tồn tại và phát triển. Có thể nói, bước vào thế kỷ X, sau khi giành lại được quyền tự chủ, cộng đồng các dân tộc Việt phải bắt tay xây dựng lại từ đầu. Trong việc tổ chức bộ máy quản lý đất nước, chính quyền tiết độ sứ chỉ hiện ra như một chạng quá độ dưới thời họ Khúc, họ Dương. Đến Ngô Quyền, sau khi đánh thắng giặc Nam Hán, ông xưng vương, định đô ở Cổ Loa. Tuy chưa đặt tên nước, đặt niên hiệu, nhưng một bộ máy nhà nước quân chủ độc lập tự chủ đã xuất hiện. Đến Đinh Bộ Lĩnh, sau khi dẹp loạn 12 sứ quân vào năm 968, ông xưng hoàng đế, định đô ở Hoa Lư, đặt tên nước Đại Cồ Việt, lập niên hiệu Thái Bình. Với một triều đình do nhà vua đứng đầu, gồm hai ban văn võ, bước đầu có phân công phân nhiệm rõ ràng, một bộ máy nhà nước quân chủ trung ương tập quyền đã được thiết lập, dù còn thô phác nhưng đã thực sự đặt nền móng ban đầu cho nhà nước quân chủ Việt Nam thời trung đại. Bước vào đầu thế kỷ X, chỉ trong vòng hơn 60 năm, từ năm 905 đến năm 968, từ hơn một 1000 năm mất nước đến độc lập tự chủ, từ chính quyền tiết độ sứ đến vương quyền tiếp đến đế quyền quản lý một quốc gia độc lập, có lãnh thổ cương vực riêng đã ghi nhận một bước phát triển vượt bậc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam thời bấy giờ. Bên cạnh bộ máy nhà nước là một tổ chức quân đội. Từ trong đấu tranh giành quyền tự chủ, chống xâm lược, trưởng thành trong dẹp loạn, một tổ chức quân đội gồm 10 đạo với ba thứ quân – quân của triều đình, quân các

đạo và quân địa phương - tổng số 100 vạn người do Thập đạo tướng quân Lê Hoàn cầm đầu ra đời. Chưa đầy 20 năm sau khi thành lập, đội quân này đã đánh tan quân xâm lược hùng mạnh của nhà Tống vào đầu năm 981.

Để nhanh chóng phục hưng đất nước, các nhà nước quân chủ đã tích cực khuyến khích mở rộng diện tích canh tác, chú ý khẩn hoang vùng hạ lưu sông Hồng thuộc Thái Bình, Nam Định ngày nay. Cùng với mở mang nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp cũng có điều kiện phát triển. Bên cạnh Đại La xuất hiện từ thời Đường, kinh đô Hoa Lư ra đời trở thành trung tâm đô hội của đất nước. Với vị trí địa lý thuận lợi cho việc bảo vệ nền độc lập còn non trẻ, bên rìa đồng bằng châu thổ Bắc Bộ ngày nay, lại nằm trên trục đường giao thông thủy bộ Nam Bắc thời bấy giờ, kinh đô Hoa Lư ở Ninh Bình đã trở thành nơi đô hội, trên bến dưới thuyền.

Về văn hóa giáo dục, bước vào thế kỷ X, trong điều kiện độc lập tự chủ cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã bắt tay khôi phục và phát triển nền văn hóa vốn có của mình. Giáo dục khoa cử chưa xuất hiện. Nho giáo và Nho học đã theo chân bọn đô hộ du nhập vào từ những thế kỷ đầu công nguyên. Mặc dù vậy, đến thế kỷ X Nho giáo chưa có chỗ đứng trong xã hội. Việc học Nho và dạy chữ Nho do đội ngũ các bậc cao tăng thực hiện trong nhà chùa. Dạy chữ Nho, học Nho nhưng không tiếp thu đạo Nho, dùng chữ Nho để tải Phật. Chữ nôm cũng đã xuất hiện trong thời kỳ này. Về tôn giáo tín ngưỡng, bên cạnh tín ngưỡng bản địa như thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với dân với nước, tín ngưỡng đa thần, phồn thực đã có từ lâu đời, Phật giáo và Đạo giáo từng du nhập vào đầu công nguyên hòa hợp với tín ngưỡng bản địa giữ một vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt. Về nghệ thuật, đặc biệt nghệ thuật kiến trúc, trang trí đã đạt đến trình độ cao. Điều này được thể hiện ở kiến trúc thành lũy, cung điện, hoa văn trang trí trên gạch, đá còn dấu vết ở kinh đô Hoa Lư. Nghệ thuật ca múa đã phổ biến trong các dịp lễ hội, được tổ chức phục vụ quân đội và trong sinh hoạt cung đình. Bà Nguyễn Thị Trân người Hồng Châu được vua Đinh phong chức Ưu Bà trở thành tổ sư nghề hát chèo.

Từ những sự kiện lịch sử lớn diễn ra trên khắp mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa xã hội, thế kỷ X hiện ra như một thế kỷ đặc sắc trong lịch sử dân tộc. Nhanh chóng chớp thời cơ thuận lợi, tiến hành lật đổ ách đô hộ, khôi phục nền độc lập tự chủ; vượt qua mọi thử thách hiểm nghèo bảo vệ đất nước, củng cố khối đoàn kết thống nhất, tiến hành xây dựng, phục hưng đất nước mọi mặt tạo nên những bước phát triển vượt bậc là những thành tựu lớn lao mà cộng đồng các dân tộc Việt đã đạt được hồi thế kỷ X. Thế kỷ X hiện ra như một thế kỷ bản lề, cực kỳ quan trọng trong lịch sử trung đại Việt Nam.

Trước thế kỷ X là hơn 1000 năm mất nước, sau thế kỷ X là kỷ nguyên Đại Việt huy hoàng mở đầu bằng việc Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long cùng với sự xuất hiện của vương triều Lý vào năm 1010.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại việt sử ký toàn thư*, Bản dịch, tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983.
2. *Việt sử thông giám cương mục*, Bản dịch, tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.
3. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.
4. Phan Huy Lê - Trần Quốc Vượng .... *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1985.
5. Nguyễn Danh Phiệt, *Nhà Đinh dẹp loạn và dựng nước*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
6. Nguyễn Gia Phú – Nguyễn Huy Quý, *Lịch sử Trung Quốc*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001.
7. Nguyễn Danh Phiệt - Trần Thị Vinh - Đỗ Đức Hùng, *Lịch sử Việt Nam thế kỷ X - đầu thế kỷ XV*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.